

LD VIETSOVPETRO
TRƯỜNG BAN ĐĐT

K/g: Đ/c Giám đốc Công ty bay dịch vụ miền nam

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 27/04/2023

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		TD2	7:25	22	0		22	0	
2		TD2+BK8	7:25	20+0	0+0		14+8	0+0	
3		P8+BK3+BK4	7:25	22+0+0	0+0+0		18+0+0	0+0+0	Chuyen 4 BK3-BK4, HANG BK3 70KG VE BO
4		CTK3+BK5-TTC1	7:25	21+0+1	0+0+0		18+0+0	0+0+0	CHuyen 3 BK5-TTC1
5		RCDM+RP3+P2	9:25	0+8+12	0+0+0		0+0+22	0+0+0	CHuyen 2 RCDM-RP3
6		CU+CTC1+RC3	9:25	20+0+2	0+0+0		17+2+3	0+0+0	Chuyen 1 CTC1-RC3, HANG RC3 100KG VE BO
7		P5+BK21+AMD	9:25	3+2+15	0+0+0		1+0+21	0+0+0	
8		RP1+GTCT+P4	9:25	12+10+0	0+0+0		0+8+11	0+0+0	
9		BK16+CU	11:25	7+12	0+0		8+14	0+0	
10		RC5+CU+CTK3	11:25	8+0+9	0+0+0		8+2+12	0+0+0	
11		P2+P9+P8	11:25	16+0+5	0+0+0		5+8+9	0+0+0	

TTBDSX

Ghi Chú : Xem lịch bay sau 17h và mở rộng dòng này để xem tất cả các thông báo.

1/ 2 người PVD1 về qua CTC1

2/ 6 người P8 đi về trong ngày

FLIGHT MANIFEST

DATE: 27/04/2023	TO: TD2	AIRCRAFT: 426	ETD: 07:30
FLIGHT: 01	FROM: VT	CREW: LTuấn - Linh - HIẾU	ETA: 09:20
xanh-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	VANEEV DMITRIY	TD2	75	1	7		100	KHOAN	Russian
2	NOROV DENIS	TD2	17	1	5		88	KHOAN	Russian
3	GROMOV SERGEY	TD2	28	1	9		85	KHOAN	Russian
4	BUI HUU HONG	TD2	25	1	4		88	KHOAN	Vietnamese
5	NGUYEN THANH TUYEN	TD2	74	1	6		82	KHOAN	Vietnamese
6	NGUYEN THANH BINH	TD2	76	1	6		80	KHOAN	Vietnamese
7	BUI TRUNG THO	TD2					71	KHOAN	Vietnamese
8	NGUYEN THANH TUNG	TD2	26	1	4		60	KHOAN	Vietnamese
9	TRAN GIA THAO	TD2	36-37	2	12		65	KHOAN	Vietnamese
10	PHAM DINH THUYET	TD2	29	1	5		78	KHOAN	Vietnamese
11	LE PHU	TD2	01	1	7		65	KHOAN	Vietnamese
12	TRANG NGOC HUNG	TD2	22	1	12		67	KHOAN	Vietnamese
13	VU THANH TUNG	TD2	92	1	11		60	KHOAN	Vietnamese
14	NGUYEN VAN HOANG	TD2	94	1	9		82	KH-THAC	Vietnamese
15	NGUYEN HUU NGHI	TD2	95	1	8		60	YTE	Vietnamese
16	LY XUAN TRUNG	TD2	78	1	13		70	YTE	Vietnamese
17	TRAN MANH HUNG	TD2	96-97	2	12		70	YTE	Vietnamese
18	NGUYEN VAN HAI	TD2	23	1	5		58	KHOAN	Vietnamese
19	BUI THO DUONG	TD2	72	1	5		70	KHOAN	Vietnamese
20	LE VAN XUAN	TD2	24	1	5		80	KHOAN	Vietnamese
21	NGUYEN KHAC HA TRUNG	TD2	93	1	5		72	KHOAN	Vietnamese
22	LE VINH THUAT	TD2	73	1	5		76	KHOAN	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARIRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TD2	22	23	155	1.627	0	22		
TOTAL		22	23	155	1.627	0	22		
WEIGHT KG				155	1.627	0			

GRAND TOAL: 1.782 KGS

VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 27/04/2023	FROM: VT	AIRCRAFT: 416	ETD: 07:50
FLIGHT: 02	TO: TD2 - BK8	CREW: LHải - VAnh - ĐANG	ETA: 09:40
trang-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	TRẦN DUY TÂN	TD2	23	1	6		71	KHOAN	Vietnamese
2	HOANG VIỆT LINH	TD2	21	1	10		100	KHOAN	Vietnamese
3	ĐỖ XUÂN VANG	TD2					80	KHOAN	Vietnamese
4	TRẦN VĂN TỰ	TD2	25	1	5		67	KHOAN	Vietnamese
5	PHAN THẾ DŨNG	TD2	28	1	5		63	KHOAN	Vietnamese
6	TRẦN NGUYỄN MẠNH TUÔNG	TD2	29	1	4		68	KHOAN	Vietnamese
7	VŨ VĂN THUY	TD2	20	1	5		68	KHOAN	Vietnamese
8	QUÁCH VĂN CỬ	TD2	32	1	6		70	KHOAN	Vietnamese
9	VŨ THẾ HÙNG	TD2	33	1	11	15	66	KHOAN	Vietnamese
10	QUÁCH THẾ ANH	TD2	45	1	11		70	KHOAN	Vietnamese
11	DƯƠNG QUỐC VIỆT	TD2	30-31	2	9		83	KHOAN	Vietnamese
12	SADOVNICHENKO DMITRII	TD2	15	1	14		100	KHOAN	Russian
13	MAKAROV EVGENY	TD2	16	1	10		88	ANTOAN	Russian
14	PHẠM ĐỨC CĂN	TD2	24	1	5		63	PSV	Vietnamese
15	PHẠM VĂN ĐỖ	TD2	17	1	6		66	PSV	Vietnamese
16	NGUYỄN HUY HIỆU	TD2	27	1	5		60	PSV	Vietnamese
17	NGUYỄN THANH HAI	TD2	26	1	5		50	PSV	Vietnamese
18	ĐOÀN CHÍ TÀI	TD2	19	1	4		75	PSV	Vietnamese
19	NGUYỄN VIỆT TOÀN	TD2	18	1	5		96	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TD2	19	19	126	1.404	15	14		
2	BK8	0	0	0	0	0	8		
TOTAL		19	19	126	1.404	15	22		
WEIGHT KG				126	1.404	15			

GRAND TOAL: 1.545 KGS

VSP REP.



VNHS REP.



CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 27/04/2023	FROM: VT	AIRCRAFT: 427	ETD: 07:35
FLIGHT: 03	TO: P8 - BK3 - BK4	CREW: Nam - M.Đức - Tú	ETA: 09:25
CAM-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYỄN BÁ LƯỢNG	P8				40	66	KHOAN	Vietnamese
2	TRẦN QUỐC TUẤN	P8	49	1	6		60	KHOAN	Vietnamese
3	NGUYỄN HUY HÙNG	P8	96	1	4		69	KHOAN	Vietnamese
4	BUI NGỌC LÂM	P8	45	1	7		77	KHOAN	Vietnamese
5	VŨ VĂN DOANH	P8					72	KHOAN	Vietnamese
6	PHAN VIỆT HÙNG	P8	46	1	8		70	KHOAN	Vietnamese
7	VŨ VĂN HÙNG	P8	51	1	6		70	KHOAN	Vietnamese
8	NGUYỄN VĂN ĐAM	P8	42	1	10		85	KHOAN	Vietnamese
9	TRẦN LÊ KIẾN	P8	44	1	6		75	KHOAN	Vietnamese
10	NGUYỄN QUANG HAO	P8	94-95	2	12		85	KHOAN	Vietnamese
11	NGUYỄN VĂN CHÂN	P8	40	1	4		55	KHOAN	Vietnamese
12	CHU MINH HÙNG	P8	52	1	4		83	KH-THAC	Vietnamese
13	ĐẶNG THẺ ANH	P8					71	NIPI	Vietnamese
14	NGUYỄN TIẾN THẮNG	P8					65	NIPI	Vietnamese
15	NGUYỄN QUANG TÚ	P8					71	NHATHAU	Vietnamese
16	HOANG ANH TÚ	P8					76	D-HANH	Vietnamese
17	PHAN TUẤN LONG	P8	92-93	2	6		71	KHOAN	Vietnamese
18	PHẠM XUÂN HUY	P8	43	1	3		65	KHOAN	Vietnamese
19	NGUYỄN QUỐC TUẤN	P8	50	1	8		84	KHOAN	Vietnamese
20	ZHDANOV VLADIMIR	P8	39	1	19		128	KHOAN	Russian
21	TRƯƠNG QUYẾT THẮNG	P8	47-48	2	19		80	KH-THAC	Vietnamese
22	TRẦN ĐẠI DƯƠNG	P8	41	1	10		75	AN TOAN	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P8	22	19	132	1.653	40	18		
2	BK3	0	0	0	0	30	0-4	+70kg	CHUYEN 4 PAX BK3-BK4, HANG VE 70KG TU BK3
3	BK4	0	0	0	0	30	0		
TOTAL		22	19	132	1.653	100	18		
WEIGHT KG				132	1.653	100			

GRAND TOAL: 1.885 KGS

VSP REP.



VNHS REP.



CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 27/04/2023	TO: CTK3 - BK5 - TTC1	AIRCRAFT: 420	ETD: 07:40
FLIGHT: 04	FROM: VT	CREW: VThắng - HTrung - PTUẤN	ETA: 09:30
VANG-1			

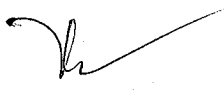
No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	PHẠM XUÂN HÒA	CTK3					78	YTE	Vietnamese
2	HOÀNG NGỌC ANH CHIẾN	CTK3	87	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
3	PHẠM MINH TUẤN	CTK3	69-70	2	12		70	KH-THAC	Vietnamese
4	NGUYỄN ANH TUẤN	CTK3	84	1	7		84	KH-THAC	Vietnamese
5	SMIRNOV	CTK3	81	1	4		95	KH-THAC	Russian
6	NGUYỄN ANH ĐỨC	CTK3	91	1	3		70	KH-THAC	Vietnamese
7	NGUYỄN NGỌC HIỆU	CTK3					72	KH-THAC	Vietnamese
8	TÔ TRỌNG TUẤN	CTK3	89-90	2	11		80	KH-THAC	Vietnamese
9	PHẠM CÔNG ƯỚC	CTK3	79	1	5		73	KH-THAC	Vietnamese
10	PHẠM THANH HẢI	CTK3	82-83	2	8		67	KH-THAC	Vietnamese
11	LÊ ĐĂNG MINH ĐỨC	CTK3	72-73	2	10		88	KH-THAC	Vietnamese
12	NGUYỄN VĂN HIỆU	CTK3	71	1	4		74	KH-THAC	Vietnamese
13	ĐINH VĂN THÔNG	CTK3	78	1	8		68	KH-THAC	Vietnamese
14	TRẦN MẠNH HÙNG	CTK3	74-76	3	7		65	KH-THAC	Vietnamese
15	NGÔ ĐÌNH THAM	CTK3	85	1	8		58	KH-THAC	Vietnamese
16	NGUYỄN TRỌNG MẠN	CTK3	86	1	7		53	KH-THAC	Vietnamese
17	TRƯƠNG QUỐC BẢO	CTK3	67-68	2	7	74	59	KH-THAC	Vietnamese
18	PHẠM VĂN ĐIỂM	CTK3	77	1	3		70	KH-THAC	Vietnamese
19	TRẦN TRUNG KIẾN	CTK3					76	KH-THAC	Vietnamese
20	VÕ MẠU MÈN	CTK3	88	1	5		77	KH-THAC	Vietnamese
21	LÊ ĐỨC HIỆP	CTK3	80	1	5		75	KH-THAC	Vietnamese
22	PHAN VĂN HỒNG	TTC1	12	1	6		67	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	CTK3	21	25	119	1.522	74	18		CHUYEN 3 PAX TU BK5-TTC1
2	BK5	0	0	0	0	20	0+3		
3	TTC1	1	1	6	67	0	0		
TOTAL		22	26	125	1.589	94	18		
WEIGHT KG				125	1.589	94			

GRAND TOAL: 1.808 KGS

VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 27/04/2023	FROM: VT	AIRCRAFT: 426	ETD: 09:50
FLIGHT: 05	TO: RCDM - RP3 - P2	CREW: LTuấn - Linh - HIẾU	ETA: 11:40
XANH - 2			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYỄN KHẮC THANH CHUNG	RP3	94	1	9		70	KH-THAC	Vietnamese
2	TRẦN QUANG HAI	RP3	95-96	2	13		80	NT GPWS	Vietnamese
3	LỤC VĂN KIẾN	RP3	97	1	10		60	NT GPWS	Vietnamese
4	TRẦN QUỐC ĐẠI	RP3	99,500	2	18		83	KH-THAC	Vietnamese
5	VŨ NGỌC TỬ	RP3	92-93	2	19		71	KH-THAC	Vietnamese
6	PHAN QUANG VŨ	RP3	98	1	14		70	KH-THAC	Vietnamese
7	TRẦN QUỐC HÙNG	RP3	75	1	6	20	81	KH-THAC	Vietnamese
8	NGUYỄN QUANG HOAN	RP3	90-91	2	19		85	DVL	Vietnamese
9	ĐOÀN QUYẾT THẮNG	P2	05-06	2	14		75	YTE	Vietnamese
10	VŨ CHI KIẾN	P2	30	1	10		75	KH-THAC	Vietnamese
11	NGUYỄN VĂN ĐỘ	P2					65	KH-THAC	Vietnamese
12	NGUYỄN MẠNH CUÔNG	P2	32-33	2	9		82	KH-THAC	Vietnamese
13	NGUYỄN XUÂN QUY	P2	07-08	2	10	100	70	KH-THAC	Vietnamese
14	NGUYỄN NGỌC DU	P2	34	1	8		70	KH-THAC	Vietnamese
15	NGUYỄN QUỐC VIỆT	P2	31	1	3		75	KH-THAC	Vietnamese
16	NGUYỄN VĂN PHƯƠNG	P2	03	1	4		70	KH-THAC	Vietnamese
17	NGUYỄN VĂN GIANG	P2	35	1	5		56	KH-THAC	Vietnamese
18	TUÔNG ANH CẠC	P2	04	1	7		63	KH-THAC	Vietnamese
19	TRẦN VĂN TÂN	P2	02	1	4		70	KH-THAC	Vietnamese
20	NGUYỄN MINH HẢI	P2	36	1	5		80	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

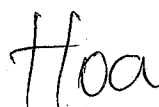
No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	RCDM	0	0	0	0	0	0	2	CHUYEN 02 PAX RCDM - RP3
2	RP3	8	12	108	600	20	0		
3	P2	12	14	79	851	100	22		
TOTAL		20	26	187	1.451	120	22		
WEIGHT KG				187	1.451	120			

GRAND TOAL: 1.758 KGS

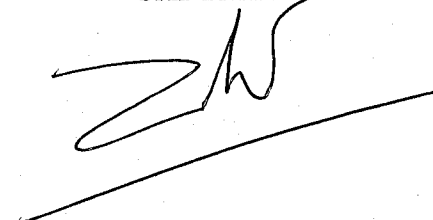
VSP REP.



VNHS REP.



CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 27/04/2023	FROM: VT	AIRCRAFT: 427	ETD: 09:55
FLIGHT: 06	TO: CLI - CTC1 - RC3	CREW: Nam - M.Đức - Tú	ETA: 11:45
CAM-2			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	TRƯƠNG HIỀN	CLI	18	1	5		86	KH-THAC	Vietnamese
2	DOKUCHAEV	CLI	22	1	15		100	KH-THAC	Russian
3	KHAVANZAN	CLI	23-24	2	11		75	KH-THAC	Russian
4	NGUYEN HUU HA	CLI	07	1	10		74	KH-THAC	Vietnamese
5	TRẦN ANH VIỆT	CLI	17	1	5		79	KH-THAC	Vietnamese
6	TRẦN HỮU DƯƠNG	CLI	15	1	10		65	KH-THAC	Vietnamese
7	NGUYỄN TRỌNG NGẠN	CLI	09	1	7		76	KH-THAC	Vietnamese
8	NGUYỄN NGỌC SƠN	CLI	08	1	3		82	KH-THAC	Vietnamese
9	NGUYỄN VĂN LINH	CLI	12-13	2	10		50	YTE	Vietnamese
10	NGUYỄN ĐỨC DŨNG	CLI	20-21	2	10		97	KH-THAC	Vietnamese
11	NGUYỄN VIỆT HÒA	CLI	14	1	5		67	KH-THAC	Vietnamese
12	NGUYỄN XUÂN DŨ	CLI	02	1	6		70	KH-THAC	Vietnamese
13	NGUYỄN VĂN KHANH	CLI	16	1	6		66	KH-THAC	Vietnamese
14	HUYNH TRỌNG KIM	CLI				20	78	KH-THAC	Vietnamese
15	MAI PHÚC LINH	CLI	01	1	3		77	KH-THAC	Vietnamese
16	ĐO ĐÌNH VĂN	CLI					70	KH-THAC	Vietnamese
17	HOANG QUỐC VIỆT	CLI	10-11	2	10		64	KH-THAC	Vietnamese
18	TRẦN THIÊN PHƯỚC	CLI	03	1	5		74	KH-THAC	Vietnamese
19	HỒ HAI HẬU	CLI	19	1	15		75	KH-THAC	Vietnamese
20	HOANG VĂN NHÂN	CLI	04	1	3		76	KH-THAC	Vietnamese
21	DƯƠNG HỮU THUẬN	RC3	24	1	7	80	60	CODIEN	Vietnamese
22	TRẦN ĐÌNH ĐIỆP	RC3	25	1	6		76	CODIEN	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	CLI	20	22	139	1.501	20	17		CHUYEN 1 CTC1-RC3 HANG RC3 VE BO 100KG
2	CTC1	0	0	0	0	0	2	1	
3	RC3	2	2	13	136	80	3	100KG	
TOTAL		22	24	152	1.637	100	22		
WEIGHT KG				152	1.637	100			

GRAND TOAL: 1.889 KGS

VSP REP.



VNHS REP.



CAPTAIN





FLIGHT MANIFEST



DATE: 27/04/2023	FROM: VT	AIRCRAFT: 420	ETD: 10:00
FLIGHT: 07	TO: P5 - BK21 - AMD	CREW: VThắng - HTrung - PTUẤN	ETA: 11:50
VANG-2			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	LÊ ĐÌNH TÂM	P5	85	1	10		77	XAYLAP	Vietnamese
2	TRẦN VĂN ĐẠT	P5	53	1	9	34	62	XAYLAP	Vietnamese
3	NGUYỄN MẠNH TÙNG	P5	51-52	2	18		77	XAYLAP	Vietnamese
4	NGUYỄN QUÝ TÀI	BK21	62	1	13	8	57	KH-THAC	Vietnamese
5	PHAN DUY LONG	BK21	63-64	2	13		58	KH-THAC	Vietnamese
6	NGUYỄN NGỌC TÂN	AMD	27	1	5	70	75	TLJOC	Vietnamese
7	HỖ TẠC SANG	AMD	40-41	2	15		70	TLJOC	Vietnamese
8	NGUYỄN LÊ HỒNG VU	AMD	25-26	2	10		63	TLJOC	Vietnamese
9	ĐỖ ĐỨC THỊNH	AMD	35	1	7		65	KH-THAC	Vietnamese
10	NGUYỄN XUÂN THANH	AMD	24	1	3		59	KH-THAC	Vietnamese
11	TÀNG VĂN BA	AMD	31	1	9		72	KH-THAC	Vietnamese
12	ĐOÀN QUỐC VIỆT	AMD	30	1	5		89	KH-THAC	Vietnamese
13	NGUYỄN LÊ DUY LÊ	AMD	32	1	8		79	KH-THAC	Vietnamese
14	TRƯỜNG LÊ ANH DŨNG	AMD	29	1	18		93	KH-THAC	Vietnamese
15	NGUYỄN XUÂN THỊN	AMD	33-34	2	8		66	KH-THAC	Vietnamese
16	NGUYỄN TRẦN QUỐC KHANG	AMD	36-37	2	20		73	KH-THAC	Vietnamese
17	TRẦN HỮU ĐẶNG	AMD	02-03	2	20		88	KH-THAC	Vietnamese
18	BUI VĂN HƯƠNG	AMD	28	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
19	HOANG ĐÌNH VINH	AMD	38-39	2	14		67	KH-THAC	Vietnamese
20	PHẠM VĂN TUẤN	AMD	42,01	2	8		83	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P5	3	4	37	216	34	1		
2	BK21	2	3	26	115	8	0		
3	AMD	15	22	155	1.112	70	21		
TOTAL		20	29	218	1.443	112	22		
WEIGHT KG				218	1.443	112			

GRAND TOAL: 1.773 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN

FLIGHT MANIFEST

DATE: 27/04/2023	TO: RP1 - GTC1 - P4	AIRCRAFT: 416	ETD: 10:10
FLIGHT: 08	FROM: VT	CREW: LHaì - VAnh - ĐANG	ETA: 12:00
TRANG-2			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	LÊ ĐỨC TIẾN	RP1	07	1	8	7	115	CODIEN	Vietnamese
2	MAI XUÂN TUƠNG	RP1	01	1	5		66	CODIEN	Vietnamese
3	NGUYỄN VŨ HÙNG	RP1	97	1	15		81	CODIEN	Vietnamese
4	VƯƠNG QUỐC VIỆT	RP1	93-94	2	12		60	CODIEN	Vietnamese
5	NGUYỄN HUY HOÀNG	RP1	06	1	12	28	77	CODIEN	Vietnamese
6	ĐỖ VĂN THANH	RP1	03	1	7		87	CODIEN	Vietnamese
7	NGUYỄN ĐỨC QUANG	RP1	02	1	5		70	XAYLAP	Vietnamese
8	HOÀNG ANH TÌNH	RP1	98	1	10		75	XAYLAP	Vietnamese
9	NGUYỄN KHÁC THỊNH	RP1	96	1	8		71	XAYLAP	Vietnamese
10	PHAN VĂN TUẤN	RP1	99,800	2	9		55	XAYLAP	Vietnamese
11	TRẦN ĐÌNH QUÂN	RP1	95	1	2		64	XAYLAP	Vietnamese
12	LƯU MINH TUẤN	RP1	04-05	2	11		75	NIPI	Vietnamese
13	MIKHAILOV E	RP1	92	1	4		92	KH-THAC	Vietnamese
14	LÊ TRI HAO	GTC1	09	1	7		66	KH-THAC	Vietnamese
15	NGUYỄN HUU TÂN	GTC1	12	1	9		75	KH-THAC	Vietnamese
16	NGUYỄN HỒNG MINH	GTC1	11	1	6		87	KH-THAC	Vietnamese
17	ĐẶNG TRẦN KHANH	GTC1	76	1	4		70	KH-THAC	Vietnamese
18	TRẦN TUẤN ANH	GTC1	13-14	2	17		65	XAYLAP	Vietnamese
19	VŨ QUỐC VƯƠNG	GTC1	15-16	2	12	20	74	XAYLAP	Vietnamese
20	HOANG THAI TAI	GTC1	17	1	7		79	XAYLAP	Vietnamese
21	LÊ ĐỨC HUY	GTC1	07-08	2	15		65	T-TIN	Vietnamese
22	LÊ QUANG HA	GTC1	10	1	6		75	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

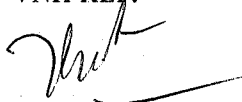
No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	RP1	13	16	108	988	35	0		
2	GTC1	9	12	83	656	20	8		
3	P4	0	0	0	0	0	11		
TOTAL		22	28	191	1.644	55	19		
WEIGHT KG				191	1.644	55			

GRAND TOAL: 1.890 KGS

VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 27/04/2023	FROM: VT	AIRCRAFT: 426	ETD: 12:10
FLIGHT: 09	TO: BK16 - CLI	CREW: TTrung - NPhú - QTrường	ETA: 14:00
XANH-3			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	LUU VAN SON	BK16	85	1	5	25	72	KH-THAC	Vietnamese
2	NGUYEN VAN LIEU	BK16	83	1	7		78	KH-THAC	Vietnamese
3	LE TRUONG AN	BK16	82	1	6		78	KH-THAC	Vietnamese
4	PHAM VAN HA	BK16	86	1	11		74	KH-THAC	Vietnamese
5	LUYEN VAN THIEU	BK16	84	1	8		75	KH-THAC	Vietnamese
6	LE VAN BA	BK16	80	1	7		65	KH-THAC	Vietnamese
7	VU DINH CHIEN	BK16	81	1	6		71	PSV	Vietnamese
8	NGUYEN TIEN DUNG	CLI	90-91	2	16	60	70	KH-THAC	Vietnamese
9	NGUYEN THANH LONG	CLI	87	1	8	12	65	KH-THAC	Vietnamese
10	HOANG VAN TUYEN	CLI	96-97	2	15		77	KH-THAC	Vietnamese
11	LE NHAT HUNG CUONG	CLI	100	1	3		65	KH-THAC	Vietnamese
12	NGUYEN XUAN TRUONG	CLI	98	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
13	NGUYEN PHUONG NAM	CLI	89	1	9		96	KH-THAC	Vietnamese
14	LAI TUAN ANH	CLI	95	1	5		95	KH-THAC	Vietnamese
15	TRAN BAO ANH	CLI	94	1	13		82	KH-THAC	Vietnamese
16	NGUYEN TRAN GIANG NAM	CLI	92	1	9		77	KH-THAC	Vietnamese
17	NGUYEN DUC TUAN	CLI	93	1	6		75	KH-THAC	Vietnamese
18	VO XUAN	CLI	88	1	10		93	ANTOAN	Vietnamese
19	NGUYEN VAN TRUONG	CLI	99	1	6		57	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	BK16	7	7	50	513	25	8		
2	CLI	12	14	105	917	72	14		
TOTAL		19	21	155	1,430	97	22		
WEIGHT KG				155	1,430	97			

GRAND TOAL: 1.682 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN




FLIGHT MANIFEST

DATE: 27/04/2023	TO: RC5 - CLI - CTK3	AIRCRAFT: 427	ETD: 12:15
FLIGHT: 10	FROM: VT	CREW: HUNG - MTHAO - Huy	ETA: 14:05
CAM-3			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	LUU VAN LUAN	RC5	02	1	15		65	XAYLAP	Vietnamese
2	LE NGUYEN KHOI NGUYEN	RC5	69-70	2	10		60	XAYLAP	Vietnamese
3	MAI VAN MINH	RC5	03	1	10	60	70	XAYLAP	Vietnamese
4	HO NGUYEN HAU	RC5	06	1	10	15	60	XAYLAP	Vietnamese
5	NGUYEN TRAN TIN	RC5	71-72	2	20		66	XAYLAP	Vietnamese
6	TRAN DANH LUAT	RC5	67-68	2	20		68	XAYLAP	Vietnamese
7	NGUYEN VAN LINH	RC5	65-66	2	12		60	XAYLAP	Vietnamese
8	NGUYEN DINH QUAN	RC5	04-05	2	20		59	XAYLAP	Vietnamese
9	NGUYEN MINH DIEN	CTK3	60	1	4		65	KH-THAC	Vietnamese
10	BUI THANH HOAT	CTK3	03	1	6		67	KH-THAC	Vietnamese
11	TRAN DUC BAU	CTK3	02	1	5		58	KH-THAC	Vietnamese
12	VU TRONG NGHIA	CTK3	66	1	7		65	KH-THAC	Vietnamese
13	LE CHI CONG	CTK3	62	1	3		90	KH-THAC	Vietnamese
14	NGUYEN TUAN ANH	CTK3	65	1	8	35	53	KH-THAC	Vietnamese
15	PHAM VAN NHUAN	CTK3	01	1	3		68	KH-THAC	Vietnamese
16	NGUYEN MANH PHUC	CTK3	05	1	10		48	KH-THAC	Vietnamese
17	BUI VAN HUY	CTK3	04	1	10		70	ANTOAN	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	RC5	8	13	117	508	75	9		
2	CLI	0	0	0	0	25	1		
3	CTK3	9	9	56	584	35	12		
TOTAL		17	22	173	1.092	135	22		
WEIGHT KG				173	1.092	135			

GRAND TOAL: 1.400 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN




FLIGHT MANIFEST

DATE: 27/04/2023	FROM: VT	AIRCRAFT: 420	ETD: 12:20
FLIGHT: 11	TO: P2 - P9 - P8	CREW: Hạnh - N.ANH - THU	ETA: 14:10
VANG-3			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	LUU VIET DUNG	P2	18	1	4		85	KH-THAC	Vietnamese
2	TÔ HIEN THANH	P2	20	1	7		58	KH-THAC	Vietnamese
3	TRẦN VĂN MẠNH	P2	22-23	2	14	40	45	KH-THAC	Vietnamese
4	TRƯỜNG TUÂN HÙNG	P2	12	1	5	3	65	KH-THAC	Vietnamese
5	K LY	P2	06	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
6	TRẦN THANH QUANG	P2					75	KH-THAC	Vietnamese
7	NGUYỄN TRƯỜNG SƠN	P2	15-16	2	11		73	KH-THAC	Vietnamese
8	NGUYỄN VĂN NHÂN	P2	17	1	5		72	KH-THAC	Vietnamese
9	PHAN VĂN ĐƯƠNG	P2					54	KH-THAC	Vietnamese
10	NGUYỄN THANH BÌNH	P2	19	1	5		85	KH-THAC	Vietnamese
11	NGUYỄN TRƯỜNG GIA TRÍ	P2	10	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
12	TRẦN ĐỨC KHANG	P2	14	1	12		81	KH-THAC	Vietnamese
13	LÊ QUANG NINH	P2					78	KHI	Vietnamese
14	VŨ ĐỨC HOÀNG	P2	21	1	5		68	KHI	Vietnamese
15	NGUYỄN VĂN LAM	P2	13	1	10		80	ANTOAN	Vietnamese
16	TRẦN VĂN CUÔNG	P2	11	1	5		52	PSV	Vietnamese
17	NGUYỄN THANH TRUNG	P8	06	1	15	4	72	KH-THAC	Vietnamese
18	NGUYỄN LÊ ĐĂNG QUANG	P8	01	1	13		92	KH-THAC	Vietnamese
19	PHẠM VĂN CUÔNG	P8	04-05	2	15		81	DVL	Vietnamese
20	PHAN SỸ HOÀN	P8	03	1	6		65	PSV	Vietnamese
21	VU VIET HUAN	P8	02	1	13	20	70	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P2	16	15	93	1.106	43	5		
2	P9	0	0	0	0	35	8		
3	P8	5	6	62	380	24	9		
TOTAL		21	21	155	1.486	102	22		
WEIGHT KG				155	1.486	102			

GRAND TOAL: 1.743 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN